BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5065/QĐ-BCA	*Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy tại Tờ trình số 5408/TTr-C04 ngày 31 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an *(danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và các biểu mẫu là thành phần hồ sơ kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, C04(P5).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5065 /QĐ-BCA ngày 11 / 8 /2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1.	Cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
2.	Điều chỉnh, cấp lại Quyết định cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
3.	Gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh
4.	Cấp phép sản xuất chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
5.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
6.	Gia hạn Giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh
7.	Cấp phép vận chuyển chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh
8.	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
9.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
10.	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy,	Kiểm soát các hoạt động hợp	Phòng Cảnh sát điều tra tội

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	pháp liên quan đến ma túy	phạm về ma túy cấp tỉnh
11.	Cấp phép nhập khẩu chất chuẩn thuộc Danh mục dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc phục vụ nghiên cứu, kiểm nghiệm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Quản lý dược, Bộ Y tế
12.	Cấp phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất ở dạng đơn chất (nguyên liệu đơn) thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
13.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép quá cảnh chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1.	Cấp phép sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	Điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3.	Nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm	Kiểm soát các hoạt động hợp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	pháp liên quan đến ma túy	
4.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất	Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Thủ tục cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1.Trình tự thực hiện

a) Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi có kế hoạch nghiên cứu chất ma túy, tiền chất (hoặc kết quả họp hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc văn bản giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị định này chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Bộ Công an (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản yêu cầu tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thực hiện đánh giá thực tế tại tổ chức và ban hành Quyết định cấp phép.

Quyết định cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP. Thời hạn cấp phép nghiên cứu được xác định theo hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu nhưng tối đa không quá 02 năm.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị cấp phép nghiên cứu;

b. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức nghiên cứu hoặc văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức;

c. Bản sao có chứng thực kế hoạch nghiên cứu (hoặc kết quả họp hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc văn bản giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ) được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d. Các tài liệu khác: danh sách, nhiệm vụ của những người tham gia nghiên cứu kèm lý lịch khoa học (nếu có); tài liệu chứng minh tính hợp pháp của chất ma túy, tiền chất (tên, địa chỉ tổ chức cung cấp chất ma túy, tiền chất); biện pháp đảm

bảo an toàn hóa chất và điều kiện bảo quản chất ma túy, tiền chất; biện pháp xử lý tồn dư chất ma túy, tiền chất trong quá trình nghiên cứu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; có kế hoạch nghiên cứu chất ma túy, tiền chất (hoặc kết quả họp hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc văn bản giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cấp phép/Văn bản không cấp phép nghiên cứu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản đề nghị cấp phép nhập khẩu theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Nghiên cứu các chất ma túy, tiền chất thuộc các Danh mục chất ma túy và tiền chất do Chính phủ quy định (trừ các chất ma túy, tiền chất được sử dụng trong lĩnh vực y tế, nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các tiền chất được sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng)

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15
- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC [1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày... tháng... năm .....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất

Kính gửi: .....[2]

Tên tổ chức: .....(1)

Địa chỉ trụ sở chính: ..... Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc .....[3]) số ..... do ..... cấp ngày.... tháng.... năm.....

Người đại diện pháp luật: .....chức vụ: .....

Đề nghị .....[2]..... xem xét, cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất với các nội dung như sau:

1. Thông tin chất ma túy, tiền chất đăng ký nghiên cứu .....

STT	Tên thương mại/ Tên hóa học	Mã CAS	Mã HS	ĐVT	Số lượng	Hàm lượng	Ghi chú
1							
2							

2. Mục đích nghiên cứu: .....[4]

3. Địa điểm thực hiện nghiên cứu: .....

4. Địa điểm kho bảo quản chất ma túy, tiền chất, hóa chất:.....

5. Nội dung, phương pháp nghiên cứu: .....

6. Thời gian, lịch trình nghiên cứu:.....

7. Vận chuyển chất ma túy, tiền chất (nếu có): .....[5]

- .....[1] xin cam đoan tuân thủ các quy định Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15; Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm ..... (1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....[1] gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: .....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép.

[2] Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

[3] Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức.

[4] Mục đích quốc phòng, an ninh hoặc mục đích khác của tổ chức.

[5] Thời gian, hành trình, phương tiện vận chuyển (trong trường hợp có vận chuyển chất ma túy, tiền chất từ kho bảo quản đến địa điểm nghiên cứu và ngược lại hoặc bàn giao cho đơn vị thụ hưởng).

2. Thủ tục điều chỉnh, cấp lại Quyết định cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trường hợp Quyết định cấp phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại Quyết định cấp phép; gửi về Bộ Công an;

b. Trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, quy trình sản xuất chất ma túy, tiền chất thì tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gửi về Bộ Công an;

c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Quyết định cấp phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối điều chỉnh, cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn của Quyết định cấp lại bằng thời hạn còn lại của Quyết định đã cấp.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại Quyết định cấp phép nghiên cứu, trong đó nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh, cấp lại;

b. Tài liệu xác nhận các nội dung điều chỉnh;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức khoa học và công nghệ có Quyết định cấp phép nghiên cứu bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cấp phép/Văn bản không cấp phép nghiên cứu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, quy trình sản xuất chất ma túy, tiền chất, cơ quan cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh, đánh giá thực tế tại tổ chức và cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy chứng nhận.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

3. Thủ tục gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trước khi Quyết định cấp phép hết hạn tối thiểu 03 ngày làm việc, tổ chức có nhu cầu gia hạn phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Quyết định cấp phép gửi về Bộ Công an;

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, gia hạn Quyết định cho tổ chức. Trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định cấp phép được gia hạn một lần tối đa không quá 01 năm.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị gia hạn, trong đó nêu rõ lý do, thời gian đề nghị gia hạn;

b. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức khoa học và công nghệ có Quyết định cấp phép nghiên cứu

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cấp phép/Văn bản không cấp phép nghiên cứu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định cấp phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn nhưng kế hoạch nghiên cứu chưa thực hiện được hoặc chưa thực hiện xong;

- Không gia hạn nghiên cứu đối với các trường hợp thay đổi mục đích nghiên cứu, loại chất, hàm lượng, khối lượng, biện pháp đảm bảo an toàn và điều kiện bảo quản chất ma túy, tiền chất; kế hoạch, biện pháp xử lý tồn dư chất ma túy, tiền chất.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

4. Cấp phép sản xuất chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc cho phép thực hiện hoạt động sản xuất chất ma túy, tiền chất tại điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép gửi về Bộ Công an;

b. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản yêu cầu tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

c. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định hồ sơ; thực hiện đánh giá thực tế tại tổ chức (nếu cần thiết) và cấp giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất;

d. Tùy trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền cấp phép đánh giá về quy mô, khối lượng, mục đích sản xuất; loại chất ma túy, tiền chất được sản xuất để quyết định hồ sơ, điều kiện cấp phép đối với tổ chức có hoạt động sản xuất phải thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đối với thuốc phải kiểm soát đặc biệt và/hoặc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Cơ quan cấp phép phối hợp với đơn vị chức năng thuộc Bộ Công Thương, Bộ Y tế để thẩm định hồ sơ và trong trường hợp cần thiết thực hiện đánh giá thực tế tại tổ chức xin cấp phép trước khi cấp Giấy phép sản xuất.

Giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 163/2026/NĐ-CP. Thời hạn cấp phép sản xuất được xác định theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất nhưng tối đa không quá 02 năm.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị cấp giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP;

b. Bản sao văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị cấp phép;

c. Tài liệu về cơ sở vật chất: Bản vẽ/hình ảnh tổng thể mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, trang thiết bị sản xuất;

d. Tài liệu chuyên môn, kỹ thuật: Thuyết minh quy trình sản xuất chất ma túy, tiền chất; biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất; phương án kiểm soát, phòng chống thất thoát hóa chất;

e. Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách chuyên môn và người trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc cho phép thực hiện hoạt động sản xuất chất ma túy, tiền chất

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép sản xuất

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản đề nghị cấp giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a. Điều kiện chung về sản xuất chất ma túy, tiền chất:

- Nhà xưởng/phòng thí nghiệm, trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn, phù hợp với quy mô, quy trình sản xuất;

- Bố trí kho/khu vực lưu giữ, bảo quản riêng các chất ma túy, tiền chất đáp ứng các điều kiện đảm bảo an ninh, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thất thoát;

- Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất và khối lượng hóa chất tồn trữ tại nơi sản xuất;

- Tài liệu chuyên môn kỹ thuật theo nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ chất ma túy, tiền chất;

- Người phụ trách chuyên môn và người trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất phải có bằng cấp phù hợp chuyên ngành hóa học, ngành dược.

b. Sản xuất các chất ma túy, tiền chất thuộc các Danh mục chất ma túy và tiền chất do Chính phủ quy định (trừ các chất ma túy, tiền chất được sử dụng trong lĩnh vực y tế, nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các tiền chất được sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

Mẫu số 03

TÊN TỔ CHỨC [1]

Số: ...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất

Kính gửi: .....[2]

Tên tổ chức: .....[1]

Địa chỉ trụ sở chính: ..... Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc .....[3]) số ..... do ..... cấp ngày.... tháng.... năm .....

Người đại diện pháp luật: ..... chức vụ: .....

Đề nghị .....[2].... xem xét, cấp Giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất với các nội dung như sau:

1. Thông tin chất ma túy, tiền chất đăng ký sản xuất: .....

STT	Tên thương mại/ Tên hóa học	Mã CAS	Mã HS	ĐVT	Số lượng	Hàm lượng	Ghi chú
1							
2							

2. Địa điểm kho bảo quản hóa chất, chất ma túy, tiền chất: .....

3. Mục đích sản xuất: .....[4]

4. Phương pháp sản xuất: .....

5. Thời gian, lịch trình sản xuất: .....

6. Vận chuyển chất ma túy, tiền chất (nếu có): .....[5]

.....[1] xin cam đoan tuân thủ các quy định Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15; Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm ..... [1] xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....[1]..... gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: .....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
[1] Tên tổ chức đăng ký cấp giấy phép sản xuất.
[2] Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[3] Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức.
[4] Mục đích quốc phòng, an ninh hoặc mục đích khác của tổ chức.
[5] Thời gian, hành trình, phương tiện vận chuyển (trong trường hợp có vận chuyển chất ma túy, tiền chất từ kho bảo quản đến địa điểm nghiên cứu và ngược lại hoặc bàn giao cho đơn vị thụ hưởng).

5. Thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại gửi về Bộ Công an;

b. Trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, quy trình sản xuất chất ma túy, tiền chất thì tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gửi về Bộ Công an;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép sản xuất. Trường hợp từ chối điều chỉnh, cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất trong đó nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh, cấp lại;

b. Tài liệu xác nhận các nội dung điều chỉnh;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc cho phép thực hiện hoạt động sản xuất chất ma túy, tiền chất

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép sản xuất

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, quy trình sản xuất chất ma túy, tiền chất, cơ quan cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh, đánh giá thực tế tại tổ chức và cấp lại Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15
- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

6. Thủ tục gia hạn Giấy phép sản xuất chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 03 ngày làm việc, tổ chức có nhu cầu gia hạn phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn gửi về Bộ Công an;

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giấy phép được gia hạn một lần tối đa không quá 01 năm.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị gia hạn, trong đó nêu rõ lý do, thời gian đề nghị gia hạn;

b. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động sản xuất đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc cho phép thực hiện hoạt động sản xuất chất ma túy, tiền chất

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép sản xuất

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy phép sản xuất được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn nhưng kế hoạch sản xuất chưa thực hiện được hoặc chưa thực hiện xong;

- Không gia hạn sản xuất đối với các trường hợp thay đổi mục đích sản xuất, loại chất, hàm lượng, khối lượng, biện pháp đảm bảo an toàn và điều kiện bảo quản chất ma túy, tiền chất; kế hoạch, biện pháp xử lý tồn dư chất ma túy, tiền chất.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

7. Thủ tục cấp phép vận chuyển chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Tổ chức cần vận chuyển chất ma túy, tiền chất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP chuẩn bị 01 bộ hồ sơ Bộ Công an;

b. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản yêu cầu tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định và cấp giấy phép vận chuyển. Giấy phép vận chuyển được cấp cho từng lần vận chuyển và có giá trị trong thời hạn ghi trên giấy phép nhưng không quá 06 tháng.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy, tiền chất có các nội dung sau: tên, địa chỉ tổ chức giao và tổ chức nhận chất ma túy; mục đích vận chuyển; tên gọi, mã CAS và mã số hàng hóa, số lượng, hàm lượng chất ma túy; thời gian, hành trình, phương tiện vận chuyển;

b. Bản sao văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị cấp phép và tổ chức thực hiện vận chuyển;

c. Bản sao có chứng thực hợp đồng vận chuyển giữa tổ chức đề nghị cấp phép vận chuyển với tổ chức thực hiện vận chuyển;

d. Bản sao có chứng thực giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy (trường hợp vận chuyển từ kho lưu trữ, bảo quản đến cửa khẩu hoặc ngược lại để thực hiện thủ tục hải quan) hoặc giấy tờ hợp lệ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của chất ma túy, tiền chất cần vận chuyển.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép vận chuyển

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

8. Thủ tục cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Tổ chức có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP chuẩn bị hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Bộ Công an (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy);

b. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản yêu cầu tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

c. Trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định và cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu;

d. Trong trường hợp phải thực hiện thông báo tiền xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP , trong thời hạn chậm nhất là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép xuất khẩu sau khi có ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu không đồng ý thì cơ quan cấp phép từ chối cấp phép và thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do;

Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP; được cấp cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu và tối đa không quá 12 tháng.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP;

b. Bản sao văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức;

c. Văn bản thuyết minh mục đích nhập khẩu (sử dụng trong sản xuất, nghiên cứu, kiểm nghiệm hoặc mục đích hợp pháp khác) kèm theo kế hoạch sử dụng chi tiết;

d. Bản sao có chứng thực Giấy phép nhập khẩu của nước nhập khẩu trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu;

e. Bản sao hợp đồng, đơn đặt hàng và hóa đơn thương mại liên quan kèm theo bản chính đối chiếu (khi có yêu cầu);

f. Báo cáo tình hình xuất khẩu, mua bán, sử dụng, tồn trữ chất ma túy, tiền chất theo các Giấy phép đã được cấp trước đó;

g. Các tài liệu nêu trên nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có công chứng (khi có yêu cầu).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc đối với nhập khẩu và 12 ngày làm việc đối với xuất khẩu

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản đề nghị cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Nhập khẩu, xuất khẩu các chất ma túy, tiền chất thuộc các Danh mục chất ma túy và tiền chất do Chính phủ quy định (trừ các chất ma túy, tiền chất được sử dụng trong lĩnh vực y tế, nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các tiền chất được sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC [1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm .....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép nhập khẩu (xuất khẩu) .....[2]

Kính gửi: ..... [3]

Tên tổ chức: .....[1]

Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số: ..... do ..... cấp ngày: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....

Đề nghị .....[3] cấp giấy phép cho nhập khẩu (xuất khẩu) chất ma túy, tiền chất như sau:

1. Thông tin chất ma túy, tiền chất đăng ký nhập khẩu (xuất khẩu): .....

STT	Tên thương mại/ Tên hóa học	Mã CAS	Mã HS	ĐVT	Số lượng	Hàm lượng
1						
2						

2. Tên và địa chỉ tổ chức xuất khẩu (nhập khẩu): .....

3. Mục đích nhập khẩu (xuất khẩu): .....[4]

4. Thời gian thực hiện nhập khẩu (xuất khẩu) dự kiến: .....

5. Tên cửa khẩu làm thủ tục nhập khẩu (xuất khẩu): .....

6. Phương tiện và điều kiện bảo đảm an toàn vận chuyển: .....

7. Giấy phép nhập khẩu (trong trường hợp xuất khẩu): .....[5]

.....[1]... xin cam đoan tuân thủ các quy định Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15; Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu vi phạm .....[1] xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....[1]..... gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: .....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Tên tổ chức đề nghị cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu.

[2] Chất ma túy; tiền chất; thuốc thú y hoặc nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất.

[3] Cơ quan cấp phép.

[4] Mục đích nhập khẩu (xuất khẩu): quốc phòng, an ninh; nghiên cứu, kiểm nghiệm, sản xuất...

[5] Số và ngày cấp giấy phép nhập khẩu, cơ quan thẩm quyền cấp phép của nước nhập khẩu.

9. Thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy phép; gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối điều chỉnh, cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất trong đó nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh, cấp lại;

b. Tài liệu xác nhận các nội dung điều chỉnh;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15
- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

10. Thủ tục gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong;

b. Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 03 ngày làm việc, tổ chức có nhu cầu gia hạn phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gia hạn Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giấy phép được gia hạn 01 lần và không quá 06 tháng.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị gia hạn, trong đó nêu rõ lý do, thời gian đề nghị gia hạn;

b. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

11. Thủ tục cấp phép nhập khẩu chất chuẩn thuộc Danh mục dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc phục vụ nghiên cứu, kiểm nghiệm thuốc thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế

1.1. Trình tự thực hiện

a. Tổ chức, cá nhân hoạt động theo quy định điểm c khoản 4 Điều 27 của Nghị định 163/2026/NĐ-CP chuẩn bị hồ sơ, gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tuyến về Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược).

b. Trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành cấp giấy phép nhập khẩu hoặc có văn bản thông báo không cấp phép và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

b. Bản sao văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức;

c. Văn bản thuyết minh mục đích nhập khẩu (sử dụng trong sản xuất, nghiên cứu, kiểm nghiệm hoặc mục đích hợp pháp khác) kèm theo kế hoạch sử dụng chi tiết;

d. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc tài liệu pháp lý thể hiện cơ sở được thực hiện hoạt động dược không vì mục đích thương mại.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Văn bản đề nghị cấp phép nhập khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chất chuẩn thuộc Danh mục dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc được xem xét cấp phép nhập khẩu khi được sử dụng để phục vụ hoạt động kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại chính cơ sở kinh doanh dược, cơ sở có hoạt động dược không vì mục đích thương mại theo quy định của pháp luật về dược.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Dược năm 2016; Nghị định số 163/2026/NĐ-CP;

- Thông tư số 18/2026/TT-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 163/2025/NĐ-CP về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

12. Thủ tục cấp phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất ở dạng đơn chất (nguyên liệu đơn) thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Doanh nghiệp có hoạt động tại điểm d khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gửi về Bộ Công an (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy);

b. Trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định và cấp giấy phép quá cảnh. Trường hợp không cấp giấy phép quá cảnh thì phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. Giấy phép quá cảnh có giá trị một lần theo thời hạn không quá 02 tháng.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh của doanh nghiệp gồm các thông tin về tên, địa chỉ của doanh nghiệp; thời gian, địa điểm, lý do quá cảnh; tên, địa chỉ nơi sản xuất, tên gọi, mã CAS, mã số hàng hóa, khối lượng, hàm lượng chất ma túy, tiền chất cần quá cảnh; giá trị hàng hóa; phương tiện, hành trình và điều kiện bảo đảm an toàn vận chuyển;

b. Bản chính hợp đồng vận tải; Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh ngành nghề giao nhận, vận tải của đơn vị làm dịch vụ vận chuyển hàng hóa quá cảnh;

c. Bản chính một trong các giấy tờ sau: Công thư đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của nước đề nghị cho hàng hóa quá cảnh, Giấy phép xuất khẩu của nước có hàng xuất khẩu hoặc Giấy phép nhập khẩu của nước có hàng nhập khẩu;

d. Bản chính Giấy phép quá cảnh của nước mà hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu đã đi qua trước khi đến Việt Nam (trường hợp vận chuyển quá cảnh nhiều nước).

e. Các tài liệu trên nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt có công chứng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép quá cảnh

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a. Chất ma túy, tiền chất; thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được chứa trong thùng chứa, đóng gói, niêm phong và đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và hồ sơ kèm theo.

b. Nguyên tắc quản lý hoạt động quá cảnh và thời gian quá cảnh chất ma túy, tiền chất; thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất qua lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 163/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

13. Thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy phép quá cảnh chất ma túy, tiền chất thuộc thẩm quyền của Bộ Công an

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trường hợp cần điều chỉnh giấy phép do sai sót hoặc cấp lại giấy phép do mất, thất lạc, doanh nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại gửi cơ quan cấp phép.

b. Trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành xem xét điều chỉnh giấy phép hoặc cấp lại giấy phép. Trường hợp từ chối điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép, cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy phép quá cảnh chất ma túy, tiền chất trong đó nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh, cấp lại;

b. Tài liệu chứng minh các nội dung điều chỉnh; hoặc báo cáo giải trình lý do mất, thất lạc.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép quá cảnh

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp phép sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất

1.1. Trình tự thực hiện

a. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành các hoạt động sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất; trường hợp từ chối, cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Hồ sơ cho phép sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất tiền chất;

b. Trường hợp sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, hồ sơ bao gồm:

c. Văn bản đề nghị của tổ chức sản xuất kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đã được cấp;

d. Danh sách các chất ma túy, tiền chất là nguyên liệu để sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản kèm tài liệu thuyết minh về quy trình sản xuất.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy chứng nhận đủ điều kiện/Văn bản không cấp phép sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

2. Thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức thì tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b. Trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, loại sản phẩm có chứa chất ma túy, tiền chất, quy trình sản xuất thì tổ chức lập 01 bộ hồ sơ và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định các nội dung điều chỉnh, đánh giá thực tế tại tổ chức và cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy chứng nhận.

c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận trong đó nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh, cấp lại;

b. Tài liệu xác nhận, chứng minh các nội dung thay đổi;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy chứng nhận đủ điều kiện/Văn bản không cấp phép sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

3. Thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất

1.1. Trình tự thực hiện

a. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất ở dạng đơn chất (nguyên liệu đơn) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP lập 01 bộ hồ sơ gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản yêu cầu tổ chức sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ

sơ hoặc hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

c. Trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định và cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu;

d. Trong trường hợp phải thực hiện thông báo tiền xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Nghị định số 163/2026/NĐ-CP, trong thời hạn chậm nhất là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép xuất khẩu sau khi có ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu không đồng ý thì cơ quan cấp phép từ chối cấp phép và thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do;

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu;

b. Bản sao văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức;

c. Bản sao có chứng thực Giấy phép nhập khẩu của nước nhập khẩu trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu;

d. Bản sao hợp đồng, đơn đặt hàng và hóa đơn thương mại liên quan kèm theo bản chính đối chiếu (khi có yêu cầu);

e. Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với thuốc thú y có chứa chất ma túy và Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam, trừ trường hợp nhập khẩu vì mục đích nghiên cứu, kiểm nghiệm, sử dụng điều trị bệnh cho động vật hoang dã, quý hiếm có tài liệu thuyết minh mục đích nhập khẩu;

f. Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất hoặc Phiếu kết quả kiểm định sản phẩm;

g. Tài liệu khác theo quy định về quản lý nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

4. Thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất

1.1. Trình tự thực hiện

a. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy phép; gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối điều chỉnh, cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất trong đó nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh, cấp lại;

b. Tài liệu xác nhận các nội dung điều chỉnh

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP

5. Thủ tục gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa tiền chất

1.1.Trình tự thực hiện

a. Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong;

b. Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 03 ngày làm việc, tổ chức có nhu cầu gia hạn phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến về Cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gia hạn Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị gia hạn, trong đó nêu rõ lý do, thời gian đề nghị gia hạn;

b. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép/Văn bản không cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu

1.8. Phí/Lệ phí (nếu có): Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phòng chống ma túy số 120/2025/QH15

- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP